

Bản tin Phân tích kỹ thuật

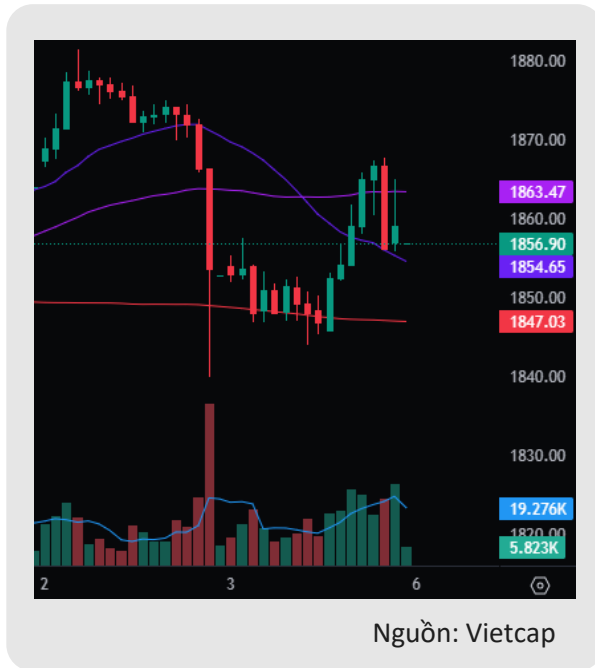
03/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1FA000 có nỗ lực hình thành tín hiệu tăng giá về cuối ngày nhưng gặp cản trở quanh vùng 1.867 điểm và chưa vượt được đường MA50. (M15)
- Dự báo hợp đồng này sẽ kiểm định lại vùng 1.847 điểm. Vị thế bán được mở và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.864 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Bán (S): 1.859 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.847 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.864 điểm

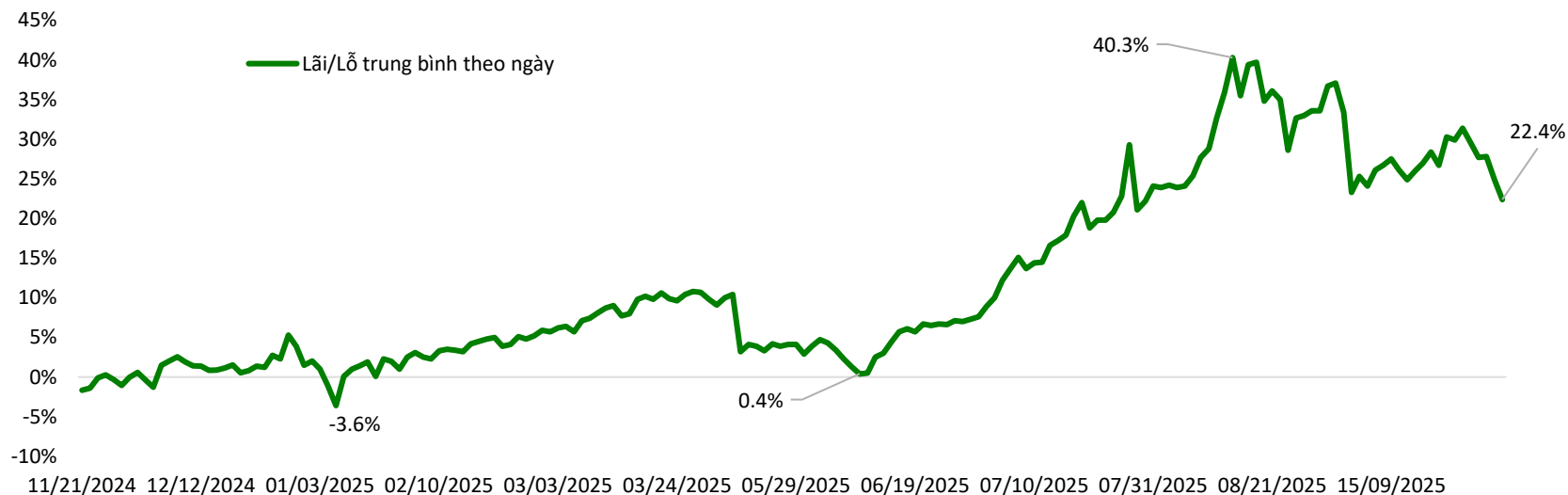
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index đóng cửa giảm so với phiên 02/10, hình thành đà giảm ngắn hạn và tín hiệu giảm xuống mức Tiêu cực. Chỉ số VN30 đóng cửa quanh tham chiếu và dao động trên các hỗ trợ ngắn hạn, duy trì tín hiệu Tích cực. Tất cả các rổ chỉ số còn lại vẫn chịu mức Tiêu cực trong ngắn hạn.
- Tất cả các nhóm ngành đều chuyển biến xấu về tín hiệu xu hướng ngắn hạn ở cổ phiếu thành phần kể cả nhóm Ngân hàng. Trong tuần giao dịch vừa qua, cổ phiếu sàn HOSE đánh mất cấu trúc tăng trung hạn ở diện rộng, kể cả nhóm vốn hóa lớn. Hiện tại, rổ VN30 chỉ còn 33% cổ phiếu giữ được tín hiệu Tích cực trung hạn, giảm đáng kể so với mức 60% vào phiên 26/09. Về hoạt động giao dịch, áp lực bán trong ngày chưa suy giảm trên các nhóm ngành tỷ trọng vốn hóa cao, ngoại trừ nhóm Ngân hàng.
- VN-Index giảm điểm hai phiên liên tiếp sau giai đoạn đi ngang trước đó, hình thành nên quán tính giảm trong thời gian tới. Do đó, nhiều khả năng các nỗ lực hồi phục trong phiên tiếp theo sẽ gặp cản trở quanh kháng cự 1.655-1.660 điểm và chỉ số sẽ duy trì đà giảm về vùng 1.620 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CEO	09/07/2025		Chốt lãi	24,600	17,930	31.1%	23,000	31,000	24,000	31,000
HDG	08/08/2025		Chốt lãi	30,750	27,500	9.1%	25,800	33,000	30,000	37,000
HPG	25/09/2025		Đang mở	28,100	29,050	-4.8%	27,600			



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	176,500	3.22%	7.62%	680,057	6.360	3,487	4.7	50.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	100,000	1.42%	1.01%	410,741	1.696	6,984	1.9	14.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VPB	29,500	-2.16%	-2.96%	234,051	-1.467	2,193	1.6	13.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
CTG	50,800	-1.36%	0.20%	272,796	-1.078	5,608	1.7	9.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	38,350	-1.29%	1.72%	271,757	-1.017	3,017	1.7	12.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	27,650	-1.60%	-3.15%	212,227	-0.988	1,750	1.8	15.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STB	57,000	-2.90%	0.88%	107,457	-0.905	6,148	1.8	9.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	52,500	1.74%	9.26%	156,832	0.795	3,324	3.9	15.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	26,700	-2.20%	-6.32%	106,800	-0.683	1,331	1.9	20.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	32,750	3.15%	11.39%	74,418	0.682	1,937	1.7	16.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HVN	34,150	-2.15%	-6.44%	106,258	-0.664	3,819	-28.3	8.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	93,400	1.41%	-4.21%	159,108	0.653	5,092	4.8	18.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	30,200	-2.11%	0.17%	105,551	-0.647	4,094	1.7	7.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	80,000	-1.84%	-2.68%	115,673	-0.619	1,861	3.6	43.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BID	39,800	-0.75%	-1.85%	279,450	-0.608	3,683	1.8	10.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	86,300	1.05%	0.58%	77,652	0.737	718	16.0	120.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
SHS	24,300	-2.80%	-1.62%	21,735	-0.548	1,148	1.9	21.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
CEO	23,500	-4.47%	-12.31%	13,334	-0.537	354	2.2	66.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
KSV	145,300	-1.82%	-9.53%	29,060	-0.477	7,830	7.3	18.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVS	31,500	-3.08%	-7.08%	15,056	-0.417	2,644	1.1	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	32,700	-2.10%	0.62%	21,540	-0.406	1,501	2.9	21.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	16,600	-1.78%	-9.78%	17,734	-0.283	176	2.1	94.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	37,800	-2.07%	-6.44%	14,345	-0.268	3,977	2.5	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	14,400	-1.37%	-2.04%	16,915	-0.209	-5,056	2.6	-2.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NTP	62,200	-1.58%	0.00%	10,639	-0.152	5,384	2.8	11.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

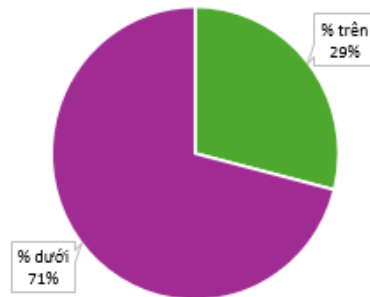
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	67,300	-1.17%	-3.58%	205,935	-0.194	1,913	5.5	35.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,000	-0.54%	-5.01%	197,440	-0.086	2,751	3.1	20.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	22,700	-3.81%	-6.20%	25,441	-0.078	-707	2.1	-32.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	52,200	-1.51%	-2.97%	62,890	-0.076	1,312	4.8	39.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
CC1	30,500	-4.69%	-8.68%	12,143	-0.046	577	2.9	52.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCR	41,900	5.01%	-4.56%	8,799	0.035	-103	5.6	-407.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MML	36,100	-3.48%	-8.61%	12,422	-0.035	1,398	2.6	26.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BGE	5,000	-9.09%	-9.09%	3,492	-0.025	157	0.5	30.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	182,600	-1.03%	-0.38%	30,582	-0.025	96,113	2.5	1.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAT	93,400	-11.13%	0.97%	2,336	-0.021	12,430	3.6	7.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

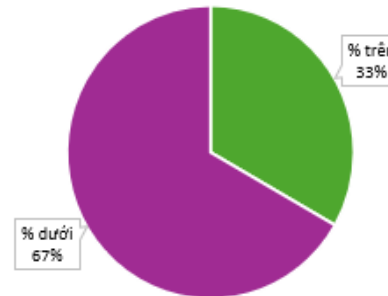
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
VIC	176,500	3.2%	863.9	435.6	39,900	174,900	4.7	50.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
LPB	52,500	1.7%	132.9	147.8	24,963	51,600	3.9	15.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
ANV	30,850	6.9%	249.0	115.7	12,400	29,200	2.5	16.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
NAF	35,400	0.1%	22.5	23.0	17,900	35,350	2.1	18.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính	
PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
BCG	2,800	-7.0%	8.1	19.2	2,850	6,700	0.3	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
SGR	21,550	-6.9%	22.2	13.6	22,900	43,800	1.1	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
BCR	1,600	-5.9%	16.7	1.8	1,600	5,800	0.1	2.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
ITC	14,000	-4.8%	12.8	5.2	8,910	18,000	0.6	40.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
THG	52,000	2.2%	8.7	2.3	33,881	58,500	2.2	9.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

MA20



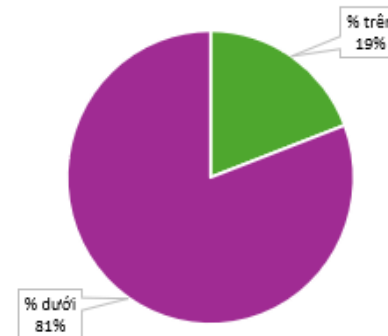
MA50



MA200



MA20, 50, 200



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			03/10/2025	02/10/2025	01/10/2025	30/09/2025	29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025	22/09/2025	19/09/2025	18/09/2025	17/09/2025	16/09/2025	15/09/2025	12/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	61%	61%	64%	63%	65%	66%	67%	67%	65%	66%	68%	68%	69%	70%	69%	67%
		Dưới	39%	39%	36%	37%	35%	34%	33%	33%	35%	34%	32%	32%	31%	30%	31%	33%
	MA50	Trên	31%	34%	41%	40%	46%	50%	51%	50%	47%	48%	54%	55%	59%	61%	64%	56%
		Dưới	69%	66%	59%	60%	54%	50%	49%	50%	53%	52%	46%	45%	41%	39%	36%	44%
	MA20	Trên	22%	24%	28%	27%	33%	38%	43%	38%	35%	35%	45%	45%	49%	52%	55%	40%
		Dưới	78%	76%	72%	73%	67%	62%	57%	62%	65%	65%	55%	55%	51%	48%	45%	60%
VN30	MA200	Trên	73%	77%	77%	77%	77%	80%	80%	77%	77%	80%	83%	83%	83%	83%	87%	80%
		Dưới	27%	23%	23%	23%	23%	20%	20%	23%	23%	20%	17%	17%	17%	17%	13%	20%
	MA50	Trên	33%	50%	60%	50%	57%	60%	63%	67%	60%	57%	67%	77%	80%	80%	77%	73%
		Dưới	67%	50%	40%	50%	43%	40%	37%	33%	40%	43%	33%	23%	20%	20%	23%	27%
	MA20	Trên	20%	27%	27%	27%	17%	13%	17%	20%	20%	10%	30%	47%	53%	63%	60%	47%
		Dưới	80%	73%	73%	73%	83%	87%	83%	80%	80%	90%	70%	53%	47%	37%	40%	53%
HNX	MA200	Trên	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%	59%
		Dưới	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%	41%
	MA50	Trên	35%	37%	37%	40%	40%	42%	47%	43%	42%	44%	49%	51%	51%	52%	56%	53%
		Dưới	65%	63%	63%	60%	60%	58%	53%	57%	58%	56%	51%	49%	49%	48%	44%	47%
	MA20	Trên	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%	59%
		Dưới	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%	41%
UPCOM	MA200	Trên	31%	33%	34%	34%	35%	36%	34%	32%	31%	32%	36%	34%	35%	36%	38%	35%
		Dưới	69%	67%	66%	66%	65%	64%	66%	68%	69%	68%	64%	66%	65%	64%	62%	65%
	MA50	Trên	34%	36%	36%	36%	34%	34%	33%	34%	32%	34%	36%	36%	37%	38%	39%	39%
		Dưới	66%	64%	64%	64%	66%	66%	67%	66%	68%	66%	64%	64%	63%	62%	61%	61%
	MA20	Trên	44%	45%	45%	46%	45%	46%	46%	46%	45%	46%	47%	46%	46%	47%	48%	46%
		Dưới	56%	55%	55%	54%	55%	54%	54%	54%	55%	54%	53%	54%	54%	53%	52%	54%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 10										Tháng 9									
	03 +	02	01	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09	08
1 Ngân hàng	59	59	58	58	57	63	64	61	54	54	67	70	72	74	73	76	77	76	77	78
2 Tài nguyên Cơ bản	57	55	58	64	68	71	73	72	69	69	69	70	72	73	71	66	65	66	67	66
3 Xây dựng và Vật liệu	56	59	62	66	70	75	74	67	61	60	55	55	56	65	62	57	55	55	57	63
4 Y tế	56	58	63	63	66	67	70	67	62	60	60	61	62	64	62	56	54	49	50	51
5 Bất động sản	54	59	64	68	69	72	70	67	65	63	63	64	67	72	71	73	72	73	75	78
6 Thực phẩm và đồ uống...	53	56	55	52	52	59	60	59	56	58	60	62	65	67	63	61	59	58	59	61
! 7 Bảo hiểm	52	54	59	54	52	50	44	43	44	47	50	53	56	58	59	67	65	64	70	75
👉 8 Điện, nước & xăng dầu...	45	48	50	50	52	55	56	54	57	56	57	55	56	57	50	52	48	49	50	53
! 9 Dịch vụ tài chính	44	49	50	48	48	60	61	57	51	54	60	62	64	65	67	68	69	70	70	72
👉 10 Hàng & Dịch vụ Công...	41	42	43	45	43	52	51	48	47	48	49	49	50	53	53	50	50	50	52	55
👉 11 Ô tô và phụ tùng	38	40	39	40	42	48	49	47	45	46	50	51	52	57	52	51	47	49	49	52
👉 12 Du lịch và Giải trí	38	47	47	45	43	44	44	44	46	46	51	45	48	47	49	45	45	48	45	43
👉 13 Bán lẻ	37	39	42	40	43	51	55	51	47	54	50	55	59	58	54	47	45	45	45	48
👉 14 Hóa chất	34	38	38	40	43	48	49	44	43	42	43	46	48	52	48	42	38	38	39	43
👉 15 Dầu khí	33	35	35	44	48	51	49	46	43	42	46	53	56	52	51	55	51	50	48	57
👉 16 Công nghệ Thông tin	29	28	30	35	36	46	52	50	51	54	58	61	58	50	44	40	35	39	44	48
👉 17 Hàng cá nhân & Gia ...	25	26	28	32	35	40	41	45	47	57	55	56	60	64	56	48	46	47	48	51

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	176,500	3.2%	7.6%	680,057	4.7	50.6	3,487	863.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	38,350	-1.3%	1.7%	271,757	1.7	12.7	3,017	432.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	52,500	1.7%	9.3%	156,832	3.9	15.8	3,324	132.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	32,750	3.1%	11.4%	74,418	1.7	16.9	1,937	380.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BWE	48,850	1.0%	0.1%	10,744	2.0	13.9	3,520	6.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTD	82,500	1.1%	0.6%	8,368	0.9	18.1	4,565	116.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
ANV	30,850	6.9%	11.6%	8,214	2.5	16.5	1,871	249.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	22,450	-0.9%	1.6%	2,978	1.1	12.5	1,792	8.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	35,400	0.1%	7.1%	1,969	2.1	18.8	1,883	22.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NRC	6,800	-2.9%	6.3%	630	0.6	-5.0	-1,353	13.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TNI	6,750	-1.6%	24.1%	354	0.7	-17.8	-379	8.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VMD	19,300	-6.8%	13.2%	298	0.9	12.1	1,597	5.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HID	3,800	0.0%	20.6%	292	0.4	197.5	19	6.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	57,000	-2.9%	0.9%	107,457	1.8	9.3	6,148	543.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	119,200	-3.6%	7.4%	43,627	6.4	22.1	5,389	50.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HAG	16,500	-1.5%	3.8%	20,912	2.1	12.8	1,289	264.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHS	17,850	-3.3%	-1.1%	7,711	0.9	1.8	9,889	116.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LSG	29,600	-5.4%	7.6%	2,696	2.7	-98.6	-304	7.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	30,750	1.0%	-0.8%	3,282	1.5	19.7	1,559	38.3	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ATG	8,600	0.0%	1.2%	132	307.8	-231.6	-37	5.2	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	55,000	-0.5%	-5.0%	197,440	3.1	20.0	2,751	24.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	33,450	-1.6%	-3.9%	42,501	1.7	20.1	1,661	67.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	53,900	-1.6%	-6.3%	13,050	2.8	10.3	5,215	13.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BGE	5,000	-9.1%	-9.1%	3,492	0.5	30.6	157	6.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	30,500	-2.1%	-7.2%	3,370	2.3	14.0	2,174	18.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	46,850	-0.3%	-5.1%	3,136	1.1	7.7	6,075	8.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCG	2,800	-7.0%	-16.2%	2,465	0.3	5.3	532	8.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TIG	8,100	-5.8%	-12.0%	1,568	0.8	15.4	526	6.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	21,550	-6.9%	-18.1%	1,506	1.1	7.6	2,838	22.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCR	1,600	-5.9%	-11.1%	712	0.1	2.8	547	16.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	67,300	-1.2%	-3.6%	205,935	5.5	35.4	1,913	11.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	93,400	1.4%	-4.2%	159,108	4.8	18.3	5,092	715.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	60,100	-0.3%	-2.3%	145,018	2.2	12.0	5,002	28.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	26,700	-2.2%	-6.3%	106,800	1.9	20.1	1,331	64.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	19,000	-1.6%	-2.6%	54,055	1.4	7.9	2,416	43.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	91,500	-0.3%	-4.1%	34,750	2.3	11.2	8,175	97.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	123,000	-0.8%	-5.4%	20,947	7.3	38.9	3,163	24.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,500	-3.1%	-7.1%	15,056	1.1	11.9	2,644	130.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,800	-2.1%	-6.4%	14,345	2.5	9.5	3,977	55.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	35,000	1.2%	-4.2%	12,127	2.9	26.0	1,348	89.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NLG	37,350	-4.23%	-8.90%	58,600	56.9%	1,709	1.5	21.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PTB	46,850	-0.32%	-5.07%	71,000	51.5%	6,075	1.1	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,800	-2.07%	-6.44%	56,100	48.4%	3,977	2.5	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	31,750	-3.79%	-7.97%	47,100	48.3%	716	2.0	44.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHC	55,100	2.04%	-4.18%	81,700	48.3%	6,444	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	33,450	-1.62%	-3.88%	47,800	42.9%	1,661	1.7	20.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	91,500	-0.33%	-4.09%	126,000	37.7%	8,175	2.3	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	53,900	-1.64%	-6.26%	73,900	37.1%	5,215	2.8	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,000	-0.54%	-5.01%	74,300	35.1%	2,751	3.1	20.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	123,000	-0.81%	-5.38%	165,300	34.4%	3,163	7.3	38.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	34,900	-2.24%	-6.93%	46,600	33.5%	3,186	1.8	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NVL	15,100	-2.58%	-3.21%	20,000	32.5%	85	0.8	177.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PVS	31,500	-3.08%	-7.08%	41,600	32.1%	2,644	1.1	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	93,400	1.41%	-4.21%	121,200	29.8%	5,092	4.8	18.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	20,050	-0.25%	-11.87%	26,000	29.7%	350	1.7	57.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	33,000	-2.94%	-5.71%	42,400	28.5%	1,978	1.9	16.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	34,200	-1.44%	-3.66%	43,900	28.4%	1,065	1.8	32.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	24,250	-2.22%	-6.91%	31,100	28.2%	1,189	1.5	20.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	27,650	-1.60%	-3.15%	35,300	27.7%	1,750	1.8	15.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PNJ	83,000	-0.12%	-2.01%	105,900	27.6%	6,115	2.4	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn